TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 320/2025/DS-PT
Ngày 13-6-2025
V/v: Tranh chấp hụi và hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên Hằng

Các Thẩm phán: Bà Đinh Thị Mộng Tuyết

Ông Nguyễn Trung Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Nhi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Nữ – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 162/2025/TLPT-DS ngày 29/4/2025 về việc "Tranh chấp hụi và hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2024/DS-ST ngày 05/3/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 261/2025/QĐ-PT ngày 07/5/2025, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 331/2025/QĐ-PT ngày 27/5/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lâm Thị H, sinh năm 1966; địa chỉ: số B, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

- *Bị đơn:*

1. Bà Nguyễn Thúy H1, sinh năm 1978; địa chỉ: số C, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương; địa chỉ liên hệ: Nhà nghỉ H4, tổ C, khu phố C, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Thân Thị Thu P, sinh năm 1996; địa chỉ thường trú: thôn Q, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; *hoặc* ông Huỳnh Tuấn Đ, sinh năm 1993; địa chỉ thường trú: tổ C, ấp Đ, xã B, huyện B, tỉnh Bình

Dương; địa chỉ liên hệ: 476, đại lộ B, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (văn bản ủy quyền ngày 06/6/2026).

2. Ông Châu Thái A, sinh năm 1976; địa chỉ: số C, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương; địa chỉ liên hệ: Nhà nghỉ H4, tổ C, khu phố C, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Lâm Huỳnh Hồng C, sinh năm 1981; địa chỉ: số E, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

2. Bà Nguyễn Thị Kiều T, sinh năm 1993; địa chỉ: số A, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

3. Ông Nguyễn Hữu T1, sinh năm 1988; địa chỉ: khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Nguyễn Thúy H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm:

Đơn khởi kiện ngày 20/5/2024, đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên bà Lâm Thị H có tham gia nhiều dây hụi do vợ chồng bà Nguyễn Thúy H1 và ông Châu Thái A làm chủ hụi từ năm 2018 cho tới nay. Phần lớn các dây hụi đã kết thúc, hai bên không còn nợ nhau, chỉ còn một số dây hụi vợ chồng bà H1 không cho bà H hốt hụi, cụ thể như sau:

1. Dây hụi từ ngày 20/11/2020 đến ngày 20/01/2022, hụi 600.000 đồng/phần, có 15 kỳ, bà H tham gia 10 phần, mỗi tháng khui hụi 01 lần. Hụi này là hụi lấy lời, ai bỏ cao thì người đó được hốt hụi nên mỗi tháng bà H được ăn từ 150.000 đồng đến 200.000 đồng. Như vậy mỗi tháng bà H chỉ đóng từ 4.000.000 đồng đến 4.500.000 đồng và hốt hụi chót. Ngày đóng hụi là ngày 20 hàng tháng. Đối với dây hụi này đáng lẽ bà H chỉ đóng 14 kỳ nhưng bà H1 nói tăng thêm 01 người chơi nữa nên bà H đã đóng đủ 15 kỳ. Ngày 20/4/2022, bà H1 chốt lại mặt sau của tờ giấy chơi hụi với nội dung bà H được hốt 15 kỳ x 600.000 đồng/phần x 10 phần - 3.000.000 đồng tiền cò 87.000.000 đồng. Sau khi trừ số tiền 27.700.000 đồng để đóng hụi những dây hụi khác (bà H không nhớ rõ dây hụi nào), số tiền vợ chồng bà H1 còn nợ bà H của dây hụi này là 59.300.000 đồng.

2. Dây hụi bắt đầu từ ngày 15/5/2021 đến ngày 15/7/2022, hụi 3.000.000 đồng/phần, có 15 kỳ, bà H tham gia 02 phần, mỗi tháng khui hụi 01 lần. Hụi này là hụi lấy lời, ai bỏ cao thì người đó được hốt hụi nên mỗi tháng bà H được ăn từ 600.000 đồng đến 1.000.000 đồng. Như vậy mỗi tháng bà H chỉ phải đóng từ 4.000.000 đồng đến 4.800.000 đồng và hốt hụi chót. Ngày đóng hụi là ngày 15 hàng tháng. Đối với dây hụi này đáng lẽ bà H chỉ đóng 14 kỳ nhưng bà H1 nói tăng thêm 01 người chơi nữa nên bà H đã đóng đủ 15 kỳ. Sau khi hết dây hụi, bà

H có đến gặp bà H1 yêu cầu thanh toán tiền hụi thì bà H1 khất và ghi vào mặt sau của dây hụi với nội dung bà H là người nhận cuối và được hốt 15 kỳ x 3.000.000 đồng/phần x 02 phần = 90.000.000 đồng. Đối với dây hụi này bà H1 không lấy tiền cò. Như vậy, vợ chồng bà H1 còn thiếu tiền hụi của bà H 90.000.000 đồng.

3. Dây hụi bắt đầu từ ngày 15/6/2021 đến ngày 15/8/2022, hụi 5.000.000 đồng/phần, có 15 kỳ, bà H tham gia 01 phần, mỗi tháng khui hụi 01 lần. Hụi này là hụi lấy lời, ai bỏ cao thì người đó được hốt hụi nên mỗi tháng bà H được ăn từ 1.000.000 đồng đến 1.500.000 đồng. Như vậy, mỗi tháng bà H chỉ đóng 3.500.000 đồng đến 4.000.000 đồng và hốt hụi chót. Ngày đóng hụi là ngày 15 hàng tháng. Bà H đã đóng 14 kỳ. Ngày 15/8/2022, sau khi hết dây hụi, bà H có đến gặp bà H1 yêu cầu thanh toán tiền hụi thì bà H1 khất và ghi vào mặt sau của dây hụi với nội dung bà H là người nhận cuối và được hốt 14 kỳ x 5.000.000 đồng x 01 phần = 70.000.000 đồng. Đối với dây hụi này bà H1 không có lấy tiền cò. Như vậy, vợ chồng bà H1 còn thiếu tiền hụi của bà H 70.000.000 đồng.

4. Dây hụi bắt đầu từ ngày 15/3/2021 đến ngày 15/5/2022, hụi 1.000.000 đồng/phần, có 15 kỳ, bà H tham gia 03 phần, mỗi tháng khui hụi 01 lần. Hụi này là hụi lấy lời, ai bỏ cao thì người đó được hốt hụi nên mỗi tháng bà H được ăn từ 200.000 đồng đến 250.000 đồng. Mỗi tháng bà H chỉ đóng 2.250.000 đồng đến 2.400.000 đồng và hốt hụi chót. Ngày đóng hụi là ngày 15 hàng tháng. Bà H đã đóng 15 kỳ. Sau khi hết dây hụi, bà H có đến gặp bà H1 yêu cầu thanh toán tiền hụi thì bà H1 khất và ghi vào mặt sau của dây hụi với nội dung bà H là người nhận cuối và được hốt 14 kỳ x 1.000.000 đồng x 03 phần= 42.000.000 đồng. Đối với dây hụi này bà H1 không lấy tiền cò và xác nhận bà H ăn cuối ngày 15/7/2023; vợ chồng bà H1 chưa giao tiền hụi cho bà H. Dây hụi này bà H đóng 15 kỳ nhưng bà H1 chỉ ghi có 14 kỳ thì bà H cũng thống nhất. Như vậy, vợ chồng bà H1 còn thiếu tiền hụi của bà H 42.000.000 đồng.

Ngoài ra, mặt sau của biên nhận chơi hụi, bà H1 có ghi "*em chưa giao 3p 1 triệu chị còn lại 37.500.000*", nội dung này bà H không nhớ là của dây hụi nào.

5. Dây hụi bắt đầu từ ngày 15/9/2022 đến ngày 30/12/2023, hụi 1.000.000 đồng/phần, có 16 kỳ, bà H tham gia 02 phần, mỗi tháng khui hụi 02 lần. Hụi này là hụi lấy lời, bà H ăn mỗi tháng 300.000 đồng và hốt hụi chót nên mỗi lần khui hụi bà H chỉ đóng 1.400.000 đồng. Ngày đóng hụi là ngày 15 và 30 hàng tháng. Bà H đã đóng 14 kỳ. Như vậy tổng số tiền bà H đã đóng 14 kỳ x 02 phần x 700.000 đồng = 19.600.000 đồng. Bà H yêu cầu vợ chồng bà H1 trả lại số tiền thực tế đã đóng hàng tháng là 19.600.000 đồng – 1.000.000 đồng tiền cò/01 phần x 02 phần= 17.600.000 đồng.

6. Dây hụi bắt đầu từ ngày 15/11/2022 đến ngày 15/11/2023, hụi 5.000.000 đồng/phần, có 13 kỳ, bà H tham gia 01 phần, mỗi tháng khui hụi 01 lần. Hụi này là hụi lấy lời, bà H ăn mỗi tháng 1.500.000 đồng và hốt hụi chót. Như vậy mỗi lần khui hụi bà H chỉ đóng 3.500.000 đồng. Ngày đóng hụi là ngày 15 hàng tháng. Bà H đã đóng 08 kỳ. Như vậy, tổng số tiền bà H đã đóng 08 kỳ x

01 phần x 3.500.000 đồng = 28.000.000 đồng. Bà H yêu cầu vợ chồng bà H1 trả lại số tiền thực tế đã đóng hàng tháng là 28.000.000 đồng – 2.500.000 đồng tiền cò/phần = 25.500.000 đồng.

Đối với các dây hụi trên, mỗi dây hụi bà H1 đều đưa cho bà H 01 giấy biên nhận chơi hụi có chữ ký ghi rõ họ tên "Nguyễn Thúy H1" ở người cho chơi hụi. Mỗi lần đóng hụi xong, bà H1 sẽ ký nháy vào chỗ ngày tháng năm đóng hụi mà bà H ghi trên biên nhận. Tuy nhiên, có những lần bà H đến nhà bà H1 đóng hụi nhưng không mang giấy tờ theo nên không đưa cho bà H1 ký nháy được. Mỗi lần bà H đến nhà bà H1 đưa tiền hụi đều đưa tiền mặt trực tiếp cho bà H1 và chưa bao giờ đưa cho ông Châu Thái Anh .

Ngoài ra giữa bà H và vợ chồng bà H1, ông A còn có quan hệ vay mượn tiền từ khoảng năm 2020 cụ thể như sau:

1. Khoản vay 2.000.000.000 đồng vào ngày 21/4/2020: Thời điểm đó, vợ chồng bà H1 đang cần tiền để làm ăn nên có nói bà H mượn tiền. Bản thân bà H không có tiền, khi đó cũng đang chơi thân với vợ chồng bà H1 nên bà H nói em trai bà H là ông Lâm Huỳnh Hồng C thế chấp quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 1866, tờ bản đồ số 22, diện tích 374,7m² tọa lạc khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương được 2.000.000.000 đồng tại ngân hàng để lấy tiền rồi bà H sẽ cho vợ chồng bà H1 vay. Theo đó, bà H và vợ chồng bà H1 lập "Hợp đồng vay tiền ngày 21/4/2020", với nội dung: Bà H cho vợ chồng bà H1 vay số tiền 2.000.000.000 đồng, thời hạn vay 24 tháng; lãi suất 46.000.000 đồng/tháng (số tiền này bao gồm tiền gốc, tiền lãi là 26.000.000 đồng và 20.000.000 đồng tiền bồi dưỡng cho ông C). Bà H đã giao đủ số tiền 2.000.000.000 đồng cho vợ chồng bà H1 bằng tiền mặt tại Nhà nghỉ H4. Hàng tháng sau khi nhận thông báo từ ngân hàng thì bà H đã ứng trước tiền của bà H trả cho ngân hàng và sau đó cầm thông báo đến gặp vợ chồng bà H1 để lấy lại số tiền đã đóng cộng với số tiền bồi dưỡng cho ông C. Vợ chồng bà H1 đưa tiền cho bà H là đưa tiền mặt, không ký biên bản giao nhận tiền.

Đến ngày 20/4/2021, bà H và ông C đến nhà bà H1, bà H đưa con dâu Nguyễn Thị Kiều T đi cùng. Do bà H1 có đưa thêm tiền nuôi mẹ ông C nên bà H1 nhờ con dâu bà H "Nguyễn Thị Kiều T" viết lại "Giấy mượn tiền từ Ngân hàng" với nội dung bà Nguyễn Thúy H1 có mượn sổ đỏ của ông Lâm Huỳnh Hồng C để vay ngân hàng, số tiền vay 2.000.000.000 đồng ngày 30/5/2020. Hàng tháng đóng lãi ngân hàng thì giao cho bên A là bà Lâm Thị H đi đóng cho ngân hàng. Bà H1 phải trả tiền ngân hàng theo lãi suất của ngân hàng thông báo, ngoài ra hàng tháng bà H1 sẽ đưa thêm cho ông C 20.000.000 đồng (tiền bồi dưỡng) cho ông C, thời hạn vay là 24 tháng.

Bà H1 đóng tiền lãi cho ngân hàng đến tháng 4/2022 nhưng không có tiền để thanh toán toàn bộ tiền gốc và lãi nên hai bên tiếp tục lập "Giấy mượn tiền từ ngân hàng" không rõ ngày tháng chỉ đề năm 2022. Mục đích lập "Giấy mượn tiền từ ngân hàng" là để gia hạn đối với khoản vay trên thêm 01 năm từ ngày 30/5/2022 đến 30/5/2023. Theo đó, mỗi tháng bà H1 sẽ đưa cho bà H 25.000.0000 đồng để thanh toán cho ngân hàng và thêm 10.000.000 đồng cho

ông C. Tuy nhiên, vợ chồng bà H1 không thực hiện theo cam kết, chỉ thanh toán được tiền ngân hàng đến tháng 8/2022 với số tiền 255.000.000 đồng, riêng tiền đưa thêm cho ông C thì chỉ đưa được thêm 10.000.000 đồng đến tháng 8/2022.

Hai "Giấy mượn tiền từ ngân hàng" đều ghi người cho mượn Lâm Huỳnh Hồng C, người làm chứng là bà Lâm Thị H nhưng thực chất bà H mới là người cho vợ chồng bà H1 mượn tiền và nguồn tiền cho mượn là mượn sổ ông C thế chấp cho ngân hàng. Trong "Giấy mượn tiền từ ngân hàng" gia hạn cũng ghi rõ ông Lâm Huỳnh Hồng C không có nghĩa vụ trả bất kỳ khoản tài chính nào phát sinh, ông C ký tên chỉ nhằm mục đích làm tin vì tài sản thế chấp ngân hàng là của ông C.

Đối với tiền đưa cho ông C, bà H về ghi riêng vào tờ giấy "mượn tiền từ Ngân hàng". Khi vợ chồng bà H1 đưa tiền cho bà H, hai bên không ký biên bản giao nhận tiền. Ngoài ra, chỉ có tháng đầu tiên ngày 20/5/2020 bà H1 đưa đủ số tiền 20.000.000 đồng để bồi thường cho ông C, riêng những tháng tiếp theo vợ chồng bà H1 chỉ đưa 15.000.000 đồng từ ngày 20/6/2020 đến 20/01/2021 (07 tháng), 10.000.000 đồng từ ngày 20/02/2021 đến 20/8/2022 (18 tháng), 7.000.000 đồng ngày 20/11/2021. Những tháng tiếp theo cho đến nay thì không đưa tiền bồi dưỡng nữa. Tiền bồi dưỡng này không nằm trong tiền lãi và tiền gốc bà H1 phải đưa cho bà H để trả ngân hàng. Đây là tiền vợ chồng bà H1 tự nguyện đưa cho ông C. Tổng số tiền bà H1 đưa bồi dưỡng cho ông C là 327.000.000 đồng.

Vợ chồng bà H1 thanh toán cho bà H đầy đủ tiền gốc và lãi ngân hàng từ tháng 5/2020 đến tháng 8/2022. Kể từ tháng 09/2022 đến nay vợ chồng bà H1 không thanh toán tiền ngân hàng và cũng không đưa tiền bồi dưỡng cho ông C. Do vậy, hàng tháng bà H phải bỏ tiền để thanh toán cho ngân hàng nếu không sẽ bị nợ xấu.

Tính đến tháng 8/2022 bà H1 mới chỉ thanh toán được cho bà H số tiền 255.000.000 đồng tiền gốc để thanh toán cho ngân hàng và 327.000.000 đồng tiền sữa cho ông C, tổng cộng là 582.000.000 đồng.

Thời điểm hiện tại vợ chồng bà H1 không thừa nhận số tiền đưa cho ông C là tiền bồi dưỡng (để nuôi mẹ) thì bà H đồng ý cấn trừ vào số tiền gốc, như vậy tổng số tiền gốc vợ chồng bà H1 còn nợ của bà H là 1.418.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 01/9/2022 đến ngày 27/02/2025 (29 tháng 26 ngày) với lãi suất 10%/năm là 351.266.960 đồng. Tuy nhiên bà H chỉ yêu cầu tính lãi tròn 29 tháng với số tiền 342.683.333 đồng.

Đối với Giấy mượn tiền từ Ngân hàng do bà H1 cung cấp bà H xác định những lần bà H1 đóng tiền có đưa bà H ký, tuy nhiên những lần ký không có sự sửa chữa về con số. Tuy nhiên, hiện nay bà H1 cung cấp Giấy mượn tiền từ Ngân hàng có sửa chữa và ghi thêm nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận chứng cứ nêu trên.

2. Khoản vay ngày 23/4/2023: Vợ chồng bà Nguyễn Thúy H1 có mượn của bà H 150.000.000 đồng. Tại thời điểm ký giấy mượn tiền do ông C không

ký vào giấy mượn tiền nên ngày 28/4/2024 bà H có lên nhà bà H1 và yêu cầu bà H1 ghi lại nội dung bà H có cho vợ chồng bà H1 vay số tiền 150.000.000 đồng, hứa đến 02 tháng sau sẽ trả lại cho bà H và lãi suất thỏa thuận 6.000.000 đồng/tháng. Tuy nhiên, thời điểm đó bà H chỉ có 100.000.000 đồng nên chỉ giao cho vợ chồng bà H1 100.000.000 đồng. Nguồn tiền bà H cho bà H1 vay là bà Hồng mượn của ông Nguyễn Hữu T1 (bạn của bà H). Hiện nay bà H đã bỏ tiền để trả khoản tiền này cho ông T1 nên ông T1 không liên quan đến vụ án này. Tại giấy thỏa thuận có ghi lãi suất 6.000.000 đồng/tháng. Tuy nhiên, vợ chồng bà H1 không trả lãi cho bà H từ đó cho đến nay.

3. Khoản vay ngày 28/5/2023: Bà H cho vợ chồng bà H1 vay 150.000.000 đồng, thời hạn vay 15 ngày, không tính lãi. Hết thời hạn vay vợ chồng bà H1 không thanh toán tiền cho bà H. Đến ngày 01/3/2024 bà H1 có xác nhận lại cho bà H là đã vay của bà H giấy mượn tiền đầu tiên là 100.000.000 đồng (ngày 23/4/2023), lần 02 là 150.000.000 đồng (ngày 01/3/2024), tổng cộng 250.000.000 đồng và hứa trả cho bà H 50.000.000 đồng tiền lãi của hai khoản, tổng cộng 300.000.000 đồng. Bà H1 hứa sẽ thanh toán cho bà H hai khoản trên vào ngày 28/5/2024. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại bà H chưa nhận được bất cứ khoản tiền gốc nào của hai khoản vay này.

Nay, đã hết thời hạn thanh toán hụi cũng như các khoản vay nhưng vợ chồng bà H1, ông T vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho bà H1. Do đó, bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc bà H1 và ông C đồng thanh toán cho bà H tổng số tiền đã vay 2.019.266.960 đồng gồm: Khoản vay ngày 21/4/2020: 1.769.266.960 đồng (nợ gốc: 1.418.000.000 đồng; nợ lãi tạm tính từ ngày 01/9/2022 đến ngày 27/02/2025 với mức lãi suất 10%/năm là 351.266.960 đồng); khoản vay ngày 23/4/2023: 100.000.000 đồng; khoản vay ngày 28/5/2023: 150.000.000 đồng.

- Buộc bà H1 thanh toán cho bà H số tiền hụi 304.400.000 đồng, trong đó: Dây hụi từ ngày 20/11/2020 đến ngày 20/01/2021: 59.300.000 đồng; Dây hụi từ ngày 15/5/2021 đến ngày 15/7/2022: 90.000.000 dồng; dây hụi từ ngày 15/6/2021 đến ngày 15/8/2022: 70.000.000 đồng; dây hụi từ ngày 15/3/2021 đến ngày 15/5/2022: 42.000.000 đồng; dây hụi từ ngày 15/9/2022 đến ngày 30/12/2023: 17.600.000 đồng; dây hụi từ ngày 15/11/2022 đến ngày 15/11/2023: 25.500.000 đồng.

Ngoài ra, giữa bà H với bà H1 còn có các dây hụi khác chưa thanh toán, giữa bà H với ông C, bà H1 còn có các khoản vay khác nhưng bà H không yêu cầu giải quyết trong vụ án này, nếu có yêu cầu thì bà H sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

Bị đơn trình bày:

- Ngày 21/4/2020, bà Nguyễn Thúy H1, ông Châu Thái A và bà Lâm Thị H có ký hợp đồng vay tiền, nội dung: Bà H cho vợ chồng ông A, bà H1 vay 2.000.000.000 đồng, thời hạn vay 24 tháng kể từ ngày hợp đồng được hai bên ký kết, mục đích vay để làm vốn kinh doanh, lãi suất 46.000.000 đồng/tháng. Tuy

nhiên, sau khi ký hợp đồng bà H không có tiền cho vợ chồng ông A, bà H1 vay nên có nói để bà H vay giúp bà H1. Khoản tiền trên bà H nói có nguồn gốc do ông Lâm Huỳnh Hồng C (em ruột bà H) thế chấp quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 1866, tờ bản đồ số 22 tại Ngân hàng V để bà H lấy tiền đưa cho bà H1 vay.

Bà H đã đưa bà Hằng số tiền 2.000.000.000 đồng và yêu cầu bà H1 ký vào giấy vay mượn tiền từ ngân hàng. Sau khi ký tên, bà H1 đọc lại nội dung thấy thời hạn cho mượn là 02 năm, vì vậy bà H1 nhờ bà H vay ngân hàng dùm trong vòng 20 năm và hai bên đã làm lại giấy mượn tiền từ ngân hàng do bà H1 viết với nội dung: Bà H có mượn sổ hồng của ông Lâm Huỳnh Hồng C vay số tiền 2.000.000.000 đồng cho bà H1 mượn ngày 30/5/2020. Bà H1 sẽ đưa tiền cho bà H đi trả tiền ngân hàng theo như lịch trả nợ của ngân hàng và thời hạn mượn 20 năm. Ngoài ra, hàng tháng còn trả thêm tiền gốc cho bà H 20.000.000 đồng cho đến khi trả hết số tiền 2.000.000.000 đồng và khi nhận tiền bà H sẽ ký tên vào số tiền nhận.

Từ tháng 05/2020 đến tháng 04/2021, bà H có ký vào số tiền bà H nhận. Tuy nhiên, kể từ tháng 05/2021 trở đi, bà H nhận tiền nhưng không ký tên vào giấy mượn tiền vay từ ngân hàng do bà H1 giữ và bà H nói sẽ ghi vào sổ nợ của bà H các khoản tiền bà H nhận từ bà H1 nhưng không ký tên. Vì bà H là người giúp đỡ bà H1 nên bà H1 tin vào lời nói của bà H. Tính đến tháng tháng 07/2024, bà H1 đã trả tiền gốc cho ngân hàng được 255.000.000 đồng và đưa thêm tiền gốc cho bà H là 673.800.000 đồng. Như vậy, tổng cộng bà H1 đã trả được cho bà H số tiền gốc 928.800.000 đồng. Tuy nhiên, bà H yêu cầu bà H1 trả hết số tiền gốc còn lại để bà H trả ngân hàng và lấy sổ hồng về. Theo thoả thuận, bà H1 sẽ trả lãi + gốc hàng tháng cho ngân hàng và trả thêm tiền gốc cho H cho đến khi hết khoản nợ, thời hạn mượn là 20 năm nên bà H1 không đồng ý với yêu cầu của bà H. Bà H1 nói chỉ trả được theo đúng thỏa thuận, hàng tháng cứ tới lấy tiền theo đúng thỏa thuận hoặc bà H biết được ai cho vay tiền thì giới thiệu, bà H1 sẽ vay và trả lại cho bà H. Sau đó, từ tháng 9/2022 bà H không đến nhà bà H1 lấy tiền để đóng tiền ngân hàng.

Nay, bà H yêu cầu bà H1 và chồng phải trả tiền gốc 1.418.000.000 đồng và tiền lãi thì bà H1 không đồng ý vì bà H1 chỉ còn nợ bà H (hoặc ông C) số tiền 1.071.200.000 đồng và thời hạn mượn vẫn còn.

- Khoản tiền 100.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền ngày 23/4/2023, có nội dung bà H1 mượn bà H số tiền 150.000.000 đồng nhưng bà H chỉ giao cho bà Hằng số tiền 100.000.000 đồng. Đối với số tiền này bà H1 đồng ý thanh toán cho bà H.

- Đối với số tiền mượn ngày 28/5/2023 là 150.000.000 đồng. Bà H1 cũng thừa nhận có khoản vay này nên nay bà H yêu cầu thanh toán thì bà H1 đồng ý.

- Ngoài ra, bà Lâm Thị H có chơi hụi với bà Nguyễn Thúy H1. Đối với các dây hụi bà Nguyễn Thúy H1 là chủ hụi, bà Lâm Thị H là dây hụi con. Đối với những dây hụi con, mỗi người sẽ giữ một giấy biên nhận chơi hụi. Bà

Nguyễn Thúy H1 sẽ ký xác nhận vào từng kỳ khi các dây hụi con đóng tiền, cụ thể bà Lâm Thị Hồng C1 các dây hụi sau:

+ Dây hụi 600.000 đồng/tháng, thời gian 15 tháng, từ ngày 20/11/2020 đến ngày 20/01/2022, có 15 người chơi. Đối với dây hụi này, mỗi phần chơi của dây hụi con phải trả cho chủ hụi số tiền 300.000 đồng (số tiền này sẽ được trừ vào số tiền ăn hụi của dây hụi con). Dây hụi này, bà H chơi 10 phần nhưng chỉ đóng được 01 lần cho 10 phần chơi hụi, mỗi phần đóng 400.000 đồng x 10 phần = 4.000.000 đồng. Những tháng còn lại bà H không đóng tiền. Đối với dây hụi này, bà H phải trả cho bà H1 tiền chơi hụi của 10 phần chơi là: 300.000 đồng x 10 phần = 3.000.000 đồng. Bà H đóng hụi được 4.000.000 đồng nên bà H1 đồng ý trả lại cho bà H số tiền: 4.000.000 đồng – 3.000.000 đồng = 1.000.000 đồng.

+ Dây hụi 3.000.000 đồng/tháng, thời gian 15 tháng, từ ngày 15/05/2021 đến 15/7/2022, có 15 người chơi. Đối với dây hụi này, mỗi phần chơi của dây hụi con phải trả cho chủ hụi số tiền 1.500.000 đồng (số tiền này sẽ được trừ vào số tiền ăn hụi của dây hụi con). Dây hụi này, bà H chơi 02 phần nhưng chỉ đóng được 03 tháng cho 02 phần chơi hụi: Ngày 15/5/2021 đóng 2.000.000 đồng x 02 phần= 4.000.000 đồng; ngày 15/6/2021 đóng 2.200.000 đồng x 02 phần = 4.400.000 đồng; ngày 17/7/2021 đóng 2.200.000 đồng x 02 phần = 4.400.000 đồng. Tổng số tiền bà H đã đóng 12.800.000 đồng. Đối với dây hụi này, bà H phải trả cho bà H1 tiền chơi hụi của 02 phần chơi là: 1.500.000 đồng x 2 phần = 3.000.000 đồng. Bà H đóng hụi được 12.800.000 đồng nên bà H1 đồng ý trả lại cho bà H số tiền: 12.800.000 đồng - 3.000.000 đồng = 9.800.000 đồng.

+ Dây hụi 5.000.000 đồng/tháng, thời gian 15 tháng, từ ngày 15/06/2021 đến 15/8/2022, có 15 người chơi. Đối với dây hụi này, mỗi phần chơi của dây hụi con phải trả cho chủ hụi số tiền 2.500.000 đồng (số tiền này sẽ được trừ vào số tiền ăn hụi của dây hụi con). Dây hụi này, bà H chơi 01 phần nhưng chỉ đóng được 02 tháng: Ngày 15/6/2021 đóng 4.000.000 đồng; ngày 15/7/2021 đóng 4.000.000 đồng. Tổng số tiền đã đóng 8.000.000 đồng. Đối với dây hụi này, bà H phải trả cho bà H1 tiền chơi hụi của 01 phần chơi 2.500.000 đồng. Bà H đóng hụi được 8.000.000 đồng nên bà H1 đồng ý trả lại cho bà H số tiền: 8.000.000 đồng – 2.500.000 đồng = 5.500.000 đồng.

+ Dây hụi 1.000.000 đồng/tháng, thời gian 15 tháng, từ ngày 15/03/2021 đến 15/5/2022, có 15 người chơi. Đối với dây hụi này, mỗi phần chơi của dây hụi con phải trả cho chủ hụi số tiền 500.000 đồng (số tiền này sẽ được trừ vào số tiền ăn hụi của dây hụi con). Dây hụi này, bà H chơi 03 phần nhưng chỉ đóng được 03 tháng: Ngày 15/3/2021 đóng 750.000 đồng x 03 phần = 2.250.000 đồng; ngày 15/4/2021 đóng 750.000 đồng x 03 phần = 2.250.000 đồng; ngày 15/7/2021 đóng 800.000 đồng x 03 phần = 2.400.000 đồng. Tổng số tiền bà H đã đóng 6.900.000 đồng. Đối với dây hụi này, bà H phải trả cho bà H1 tiền chơi hụi của 03 phần chơi hụi là: 500.000 đồng x 03 phần = 1.500.000 đồng. Bà H đóng được 6.900.000 đồng nên bà H1 đồng ý trả lại cho bà H số tiền: 6.900.000 đồng – 1.500.000 đồng = 5.400.000 đồng.

+ Dây hụi 1.000.000 đồng/ nửa tháng, thời gian 16 tháng, từ ngày 15/9/2022 đến 30/12/2023, có 16 người chơi. Đối với dây hụi này, mỗi phần chơi của dây hụi con phải trả cho chủ hụi số tiền 1.000.000 đồng (số tiền này sẽ được trừ vào số tiền ăn hụi của dây hụi con). Dây hụi này, bà H chơi 02 phần nhưng chỉ đóng được 14 lần: 15/9/2022 đóng 1.400.000 đồng, ngày 30/9/2022 đóng 1.400.000 đồng, ngày 15/10/2022 đóng 1.400.000 đồng, ngày 30/10/2022 đóng 1.400.000 đồng, ngày 15/11/2022 đóng 1.400.000 đồng, ngày 30/11/2022 đóng 1.400.000 đồng, ngày 15/12/2022 đóng 1.400.000 đồng, ngày 30/12/2022 đóng 1.400.000 đồng, ngày 15/01/2023 đóng 1.400.000 đồng, ngày 30/01/2023 đóng 1.400.000, ngày 15/02/2023 đóng 1.400.000 đồng, ngày 28/02/2023 đóng 1.400.000 đồng, ngày 15/03/2023 đóng 1.400.000 đồng, ngày 30/3/2023 đóng 1.400.000 đồng. Tổng số tiền bà H đã đóng 19.600.000 đồng. Đối với dây hụi này, bà H phải trả cho bà H1 tiền chơi hụi của 02 phần chơi 1.000.000 đồng x 2 phần = 2.000.000 đồng. Bà H đóng hụi được 19.600.000 đồng nên bà H1 đồng ý trả lại cho bà H số tiền: 19.600.000 đồng – 2.000.000 đồng = 17.600.000 đồng.

+ Dây hụi 5.000.000 đồng/tháng, thời gian 13 tháng, từ ngày 15/11/2022 đến ngày 15/11/2023, có 13 người chơi. Đối với dây hụi này, mỗi phần chơi của dây hụi con phải trả cho chủ hụi số tiền 2.500.000 đồng (số tiền này sẽ được trừ vào số tiền ăn hụi của dây hụi con). Dây hụi này, bà Lâm Thị Hồng C1 01 phần nhưng chỉ đóng được 08 tháng. Mỗi tháng vào ngày 15 đóng 3.500.000 đồng x 08 tháng = 28.000.000 đồng. Tổng số tiền bà H đã đóng 28.000.000 đồng. Đối với dây hụi này, bà H phải trả cho bà H1 tiền chơi hụi của 01 phần chơi 2.500.000 đồng. Bà H đóng hụi được 28.000.000 đồng nên bà H1 đồng ý trả lại cho bà H số tiền: 28.000.000 đồng – 2.500.000 đồng = 25.500.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền chơi hụi bà H1 đồng ý trả lại cho bà H là 64.800.000 đồng.

Đối với bị đơn ông Châu Thái A:

Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án yêu cầu bị đơn có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tham gia đối chất, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 24/12/2024 và 08/01/2025, tham gia phiên tòa vào các ngày 07/02/2025 và 27/02/2025 nhưng vắng mặt không có lý do cũng như không có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu chứng cứ.

Tại bản tự khai và đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kiều T trình bày:

Bà T là con dâu của bà Lâm Thị H, bà T biết bà Nguyễn Thúy H1 thông qua bà H vì bà H1 là chủ hụi ở địa phương. Bà T xác định chữ viết trong tờ "giấy mượn tiền từ ngân hàng" do bà H cung cấp ghi nhận nội dung ông C lấy sổ thế chấp ngân hàng để vay 2.000.000.000 đồng đưa cho bà H để bà H cho bà H1 mượn là chữ viết của bà T. Bà T viết tại nhà bà H1 khi đi cùng ông C và bà H đến. Mục đích viết "giấy mượn tiền từ ngân hàng" là để xác định lại khoản vay của hợp đồng vay ngày 21/4/2020 giữa vợ chồng bà H và ông A. Ngoài ra

bà T không có liên quan đến việc vay mượn giữa bà H và vợ chồng bà H1. Ngoài ra, bà T không còn biết sự việc gì khác. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà H thì đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết.

Tại bản tự khai và đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu T1 trình bày:

Ông T1 với bà H1, bà H là bạn của nhau. Ngày 23/4/2023, bà H có dẫn bà H1 đến để mượn ông T1 số tiền 100.000.000 đồng. Thời điểm vay bà H1 nói cho vợ chồng bà H1 vay, thời hạn vay là 02 tháng. Khi đó ông T1 tính không cho bà H1 vay, tuy nhiên bà H có nói ông T1 cứ cho vợ chồng bà H1 mượn đi, nếu bà H1 không có trả thì bà H sẽ đứng ra trả thay cho ông T1 và sẽ trực tiếp lấy lại từ vợ chồng bà H1. Hết thời hạn vay bà H1 không có trả nên ông T1 đã đòi từ bà H. Hiện nay bà H đã trả đủ số tiền 100.000.000 đồng cho ông T1. Như vậy, ông T1 không còn liên quan gì đến khoản vay ngày 23/4/2023, còn việc vợ chồng bà H1 đã trả cho bà H chưa thì ông T1 không biết.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2024/DS-ST ngày 05/3/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương, đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 92, 93, 144, 147, 227, 228, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 280, 282, 463, 466, 468, 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hụi, họ, biêu, phường; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lâm Thị H với bị đơn bà Nguyễn Thúy H1 về việc tranh chấp hụi.

Buộc bà Nguyễn Thúy H1 phải trả cho bà Lâm Thị H số tiền hụi 304.400.000 đồng (ba trăm lẻ bốn triệu bốn trăm nghìn đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị Hồng B ông Châu Thái A liên đới cùng bà Nguyễn Thúy H1 trả số tiền nợ hụi.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lâm Thị H với bị đơn bà Nguyễn Thúy H1 và ông Châu Thái A về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc bà Nguyễn Thúy H1 và ông Châu Thái A phải trả cho bà Lâm Thị H số tiền 2.010.683.333 đồng (hai tỷ không trăm mười triệu sáu trăm tám mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng).

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Châu Thái A phải chịu 36.106.833 đồng (ba mươi sáu triệu một trăm lẻ sáu nghìn tám trăm ba mươi ba đồng).

- Bà Nguyễn Thúy H1 phải chịu 51.306.833 đồng (năm mươi mốt triệu ba trăm lẻ sáu nghìn tám trăm ba mươi ba đồng).

- Hoàn trả cho bà Lâm Thị H 56.489.150 đồng (năm mươi sáu triệu bốn trăm tám mươi chín nghìn một trăm năm mươi đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0001150 ngày 08/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi có bản án sơ thẩm, ngày 18/3/2025, bị đơn bà Nguyễn Thúy H1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt; người đại diện hợp pháp của bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; do nguyên đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên việc hòa giải tại phiên tòa không thực hiện được.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Ngày 05/3/2025, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An xét xử sơ thẩm vụ án. Ngày 17/3/2025, bị đơn kháng cáo là trong hạn luật định.

Tại phiên toà cấp phúc thẩm: Người đại diện hợp pháp của bị đơn rút yêu cầu kháng cáo tranh chấp về hụi; chỉ kháng cáo tranh chấp hợp đồng vay tài sản, bị đơn không đồng ý việc Toà án cấp sơ thẩm tuyên buộc bị đơn liên đới cùng ông A trả cho nguyên đơn số tiền 2.010.683.333 đồng, vì ông A không vay tiền của nguyên đơn. Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với tiền hụi 304.000.000 đồng, không yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền này.

Đối với khoản vay ngày 21/4/2020, số tiền vay 2.000.000.000 đồng: Bà H1 và bà H đều xác định có việc ông C thế chấp quyền sử dụng đất cho Ngân hàng V vay số tiền 2.000.000.000 đồng để bà H lấy tiền cho vợ chồng bà H1 vay. Hai bên có lập lại giấy vay mượn tiền từ ngân hàng ngày 21/4/2020. Tại giấy vay mượn tiền từ ngân hàng ngày 21/4/2020, thể hiện: Bà Lâm Thị H cho ông Châu Thái A và bà Nguyễn Thúy H1 vay số tiền 2.000.000.000 đồng, thời hạn vay 24 tháng. Như vậy, có cơ sở xác định bị đơn ông A biết và thống nhất với toàn bộ nội dung của hợp đồng vay ngày 21/4/2020. Do đó, có cơ sở xác định vợ chồng bà H1, ông A cùng vay tiền của bà H chứ không phải cá nhân bà H1 vay tiền bà H, trách nhiệm thanh toán tiền vay là của hai vợ chồng bà H1.

Đối với các giấy vay tiền từ ngân hàng các bên ký kết về sau nhằm mục đích thực hiện cho hợp đồng vay tiền ngày 21/4/2020 như nguồn gốc tiền cho vay, quá trình thanh toán lãi gốc theo thỏa thuận của các bên. Do đó, bà H1 cho

rằng số tiền 2.000.000.000 đồng bà H cho vay là nợ riêng của bà H1 là không có cơ sở. Đến hạn thanh toán nợ gốc bị đơn không thanh toán được nên hai bên tiếp tục lập "Giấy mượn tiền từ ngân hàng" không ngày tháng năm 2022 để gia hạn thêm 01 năm từ ngày 30/5/2022 đến 30/5/2023. Bà H và bà H1 khai thống nhất bà H1 thanh toán cho bà H đầy đủ tiền gốc và lãi từ tháng 5/2020 đến tháng 8/2022 với số tiền 255.000.000 đồng. Ngoài ra, bà H1 khai đã trả thêm cho bà H số tiền gốc 673.800.000 đồng, chứng cứ bà H cung cấp là bản chính giấy mượn tiền tiền từ ngân hàng với nội dung thể hiện bà H1 đã thanh toán gốc và lãi cho bà H tổng số tiền 928.800.000 đồng (255.000.000 đồng + 673.800.000 đồng). Bà H1 cho rằng có thỏa thuận mỗi tháng vợ chồng bà H1 có nghĩa vụ bồi dưỡng tiền ông C và từ tháng 9/2022 đến tháng 7/2024, bà H1 có thanh toán tiền lãi và gốc cho nguyên đơn nhưng không có chứng cứ chứng minh và không được bà H thừa nhận nên không có cơ sở. Quá trình giải quyết vụ án, bà H đồng ý khấu trừ số tiền đã nhận vượt hơn số tiền 255.000.000 đồng vào tiền gốc. Như vậy, có cơ sở chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu vợ chồng bà H1 thanh toán nợ vay.

Theo quy định tại Điều 280 của Bộ luật Dân sự: "Nghĩa vụ trả tiền phải được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức đã thỏa thuận. Nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác" và Điều 282 của Bộ luật Dân sự "…Nghĩa vụ được thực hiện theo định kỳ theo thỏa thuận, theo quy định của pháp luật hoặc quyết định của cơ quan có thẩm quyền. Việc chậm thực hiện nghĩa vụ theo từng kỳ cũng bị coi là chậm thực hiện nghĩa vụ". Mặc dù hai bên có sự mâu thuẫn về thời hạn vay tiền, nguyên đơn cho rằng kể từ tháng 9/2022 bị đơn không thanh toán bất cứ khoản tiền vay cho nguyên đơn. Bản thân bị đơn cũng không đưa ra được chứng cứ chứng minh từ tháng 9/2022 cho đến tháng 7/2024 bị đơn có thanh toán tiền gốc và lãi cho nguyên đơn. Như vậy, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán nợ gốc với số tiền còn nợ 1.418.000.000 đồng là có căn cứ theo quy định tại Điều 463, 466, 280, 282 Bộ luật Dân sự .

Về mức lãi suất: nguyên đơn yêu cầu mức lãi suất 10%/năm là phù hợp với quy định Điều 468 Bộ luật Dân sự nên có căn cứ chấp nhận.

Từ những phân tích trên, nhận thấy: Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án phù hợp với quy định của pháp luật, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật TTDS năm 2015: Chấp nhận 01 phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn; sữa bản án sơ thẩm số 53 ngày 29/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An theo hướng:

1. Đình chỉ xét xử một phần đối với yêu cầu khởi kiện tranh chấp hụi;

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lâm Thị H với bị đơn bà Nguyễn Thúy H1 và ông Châu Thái A về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Buộc bà Nguyễn Thúy H1 và ông Châu Thái A phải trả cho bà Lâm Thị H số tiền 2.010.683.333 đồng.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn bà H; bị đơn ông A có yêu cầu giải quyết vắng mặt; người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Thân Thị Thu P vắng mặt, người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Huỳnh Tấn Đ1 yêu cầu tiếp tục tiến hành phiên tòa; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông C, bà T, ông T1 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do; căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ.

Bị đơn kháng cáo, lý do: Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng bà H1 không thể tính được số tiền hụi của người hốt cuối và căn cứ vào phần chữ viết không có chữ ký xác nhận phía sau giấy biên nhận chơi hụi buộc bà H1 trả cho bà H số tiền hụi 304.400.000 đồng, là đánh giá chủ quan; khoản tiền 100.000.000 đồng và 150.000.000 đồng chỉ có bà H1 với bà H thực hiện với nhau, ông A không biết và bà H1 đồng ý trả cho bà H hai khoản nợ này nhưng Tòa án cấp sơ thẩm buộc thêm ông A trả nợ là không đúng; khoản vay 1.760.683.333 đồng, chỉ có bà H1 với bà H thực hiện với nhau và thời hạn cho vay là 20 năm nhưng Tòa án buộc bà H1, ông A trả cho bà H là không đúng.

Ngày 23/5/2025, nguyên đơn bà H có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với các dây hụi, cụ thể: Dây hụi ngày 20/11/2020 đến ngày 20/01/2021: 59.300.000 đồng; dây hụi ngày 15/5/2021 đến ngày 15/7/2022: 90.000.000 đồng; dây hụi ngày 15/6/2021 đến ngày 15/8/2022: 70.000.000 đồng; dây hụi ngày 15/3/2021 đến ngày 15/5/2022: 42.000.000 đồng; tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Đ1 đồng ý việc rút một phần yêu cầu khởi kiện nêu trên của nguyên đơn; đồng thời rút một phần yêu cầu kháng cáo về tiền hụi đối với số tiền 304.400.000 đồng; căn cứ Điều 299 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm hủy và đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với một phần yêu cầu khởi kiện nêu trên của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của bị đơn rút một phần yêu cầu kháng cáo đối với số tiền hụi 304.400.000 đồng; căn cứ điểm b khoản 1 Điều 289 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo nêu trên; người đại diện hợp pháp của bị đơn xác định chỉ kháng cáo phần quyết định buộc ông A, bà H trả nợ cho bà H đối với số tiền 250.000.000 đồng và số nợ 2.000.000.000 đồng ngày 21/4/2020; căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xem xét trong phạm vi nội dung kháng cáo này của bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hụi:

Dây hụi ngày 15/9/2022 đến ngày 30/12/2023: 17.600.000 đồng và dây hụi ngày 15/11/2022 đến ngày 15/11/2023: 25.500.000 đồng. Tại cấp sơ thẩm, bà H1, bà H thống nhất với nhau về số tiền đã đóng, số tiền hụi còn nợ và bà H1 đồng ý trả cho bà H số tiền của hai dây hụi nêu trên. Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà H1 trả tiền nợ hụi cho bà H, không chấp nhận việc ông A cùng bà H1 thanh toán tiền nợ hụi cho bà H. Sau khi xét xử, nguyên đơn bà H không kháng cáo nên Tòa án cấp phúc thẩm không có cơ sơ xem xét. Cần buộc bà H1 thanh toán tiền nợ hụi của hai dây hụi nêu trên cho bà H với số tiền 17.600.000 đồng + 25.500.000 đồng = 43.100.000 đồng.

[2.2] Về tiền vay:

[2.2.1] Khoản vay 100.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền ngày 23/4/2023 và khoản vay 150.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền ngày 28/5/2023.

Nguyên đơn bà H yêu cầu vợ chồng bà H1 thanh toán 250.000.000 đồng, không yêu cầu lãi suất; bị đơn bà H1 đồng ý thanh toán 250.000.000 đồng nhưng cho rằng nghĩa vụ trả nợ là của cá nhân bà H1, không liên quan đến ông A. Xét, khoản vay trên có trong thời kỳ hôn nhân của bà H1, ông A, nội dung giấy vay tiền ông A có ký và ghi rõ họ tên nên bà H1, ông A có trách nhiệm thanh toán khoản nợ nêu trên cho bà H.

[2.2.2] Khoản vay 2.000.000.000 đồng ngày 21/4/2020:

Bà H, bà H1 thống nhất có lập các giấy, cụ thể: Giấy vay ngày 21/4/2020, giấy mượn tiền ngân hàng không ghi ngày tháng năm, giấy mượn tiền từ ngân hàng không ngày tháng năm 2022 (bút lục số 15, 16, 17, 20 – 22).

Bà H1 thống nhất có vay bà H 2.000.000.000 đồng, thống nhất vợ chồng bà H1 và bà H có lập hợp đồng vay tiền ngày 21/4/2020, mục đích vay làm vốn kinh doanh.

Về thời hạn vay: Bà H trình bày là 24 tháng kể từ ngày ký hợp đồng ngày 30/5/2020 (do ngày 21/4/2020 chưa giao tiền, đến ngày 30/5/2020 bà H mới giao tiền cho bà H1 nên thời điểm vay tính từ ngày 30/5/2020); đến thời hạn thanh toán, bà H1 không thanh toán được nên hai bên lập "Giấy mượn tiền từ ngân hàng năm 2022 không ghi ngày tháng", để gia hạn thêm 01 năm từ ngày 30/5/2022 đến 30/5/2023. Bà H1 trình bày thời hạn vay là 20 năm tính từ ngày 30/5/2020. Trình bày của bà H1 không được bà H, ông C thừa nhận và không có chứng cứ tài liệu chứng minh nên trình bày của bà H1 về thời hạn vay 20 năm là không có cơ sở.

Về số tiền đã thanh toán: Bà H trình bày, từ tháng 5/2020 đến tháng 8/2022 bà H1 đã thanh toán cho bà H tiền nợ gốc 255.000.000 đồng; đối với số tiền 327.000.000 đồng bà H1 đưa cho ông C là tiền bồi dưỡng, cụ thể: tháng đầu đưa 20.000.000 đồng; từ ngày 20/6/2020 đến 20/01/2021 (07 tháng) đưa 15.000.000 đồng/tháng; từ ngày 20/02/2021 đến 20/8/2022 (18 tháng) đưa 10.000.000 đồng/tháng; ngày 20/11/2021 đưa 7.000.000 đồng. Bà H đồng ý

khấu trừ vào nợ gốc, đây là tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bà H1 trình bày, tính đến tháng 7/2024, ngoài số tiền 255.000.000 đồng nêu trên thì bà H1 đã trả thêm cho bà H nợ gốc 673.800.000 đồng, chứng cứ là bản chính giấy mượn tiền vay từ ngân hàng, chỉ còn nợ lại số tiền 1.071.200.000 đồng, do chưa hết thời hạn vay nên không đồng ý thanh toán theo yêu cầu khởi kiện của bà H.

Xét, *"giấy mượn tiền vay từ ngân hàng mượn hai chục năm mới trả lải gốc"* không ghi ngày tháng năm do bà H1 viết có nội dung: Ngày hôm nay, tôi tên Nguyễn Thúy H1, bà chị Lâm Thị H có vay sổ hồng của ông Lâm Huỳnh Hồng C số tiền 02 tỷ cho tôi Nguyễn Thúy H1 mượn ngày 30/5/2020; chị H giao là bên A, tôi là bên B, bên B là Nguyễn Thúy H1 phải trả tiền ngân hàng theo giấy của ngân hàng đưa để đóng mỗi tháng tôi đồng ý theo như bên A là chị Lâm Thị H thời gian mượn là 20 năm theo hợp đồng đóng ngân hàng và thêm mỗi tháng chị H lấy của H1 20.000.000 đồng mỗi tháng chị cho tôi trả từ từ như ngân hàng từ 30/5/2020 trả 20.000.000 đồng cho đến 30/10/2020 trả 20.000.000 đồng, cho đến 30/11/2020 trả 25.000.000 đồng, cho đến 30/02/2021 trả 25.000.000 đồng, trả đến 30/3/2021 trả 10.000.000 đồng mỗi tháng. Nay tôi và chị Lâm Thị H cùng đồng ý cho tôi trả từ từ cho hết để lấy sổ ra từ ngân hàng nếu tôi không đúng hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật, thời gian mượn như hợp đồng đóng ngân hàng. Giấy này cho bà H1 viết và ký tên, bà H không có ký tên. Bà H không thừa nhận trình bày của bà H1, nên trình bày của bà H1 về thời hạn vay 20 năm là không có cơ sở chấp nhận.

Đối với giấy mượn tiền tiền từ ngân hàng thể hiện quá trình thanh toán gốc và lãi cho bà H tổng số tiền 928.800.000 đồng (trong đó có 255.000.000 đồng nêu trên và 673.800.000 đồng), bị đơn thừa nhận chứng cứ bị đơn cung cấp có sự sửa chữa về con số và ghi thêm. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ quy định tại Điều 93 Bộ luật Tố tụng dân sự, chứng cứ bị đơn cung cấp bị đơn tự sửa chữa theo hướng có lợi cho bị đơn nên không còn khách quan, ngoài chứng cứ trên bị đơn không đưa ra được chứng cứ nào khác để chứng minh đã thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền 673.800.000 đồng nên không chấp nhận trình bày của bà H1 là phù hợp quy định. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định, vợ chồng bà H1 còn nợ bà H số tiền 2.000.000.000 đồng - 582.000.000 đồng = 1.418.000.000 đồng là có căn cứ.

Về vi phạm nghĩa vụ thanh toán: Bà H trình bày từ tháng 9/2022 bà H1 không thanh toán nợ; bị đơn trình bày từ tháng 9/2022 đến tháng 7/2024 bà H1 có thanh toán tiền lãi và gốc cho nguyên đơn, tuy nhiên nguyên đơn nhận nhưng không ký biên bản giao nhận tiền nên không cung cấp được cho Tòa án. Bà H không thừa nhận trình bày của bà H1, nên trình bày của bà H1 không có cơ sở chấp nhận. Như vậy, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán nợ gốc với số tiền còn nợ 1.418.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 463, 466, 280, 282 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về mức lãi suất: Bà H, bà H1 thống nhất các bên thỏa thuận lãi suất theo ngân hàng nhưng không có mức lãi suất cụ thể. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi tính từ tháng 9/2022 đến thời điểm xét xử sơ thẩm (ngày 27/02/2025) với mức lãi suất 10%/năm là phù hợp với quy định Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, cụ thể: 1.418.000.000 đồng x 29 tháng 26 ngày x 10%/năm = 351.266.960 đồng, nguyên đơn chỉ yêu cầu tính thành 29 tháng với số tiền 342.683.333 đồng, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn thanh toán tiền lãi 342.683.333 đồng là có căn cứ.

Từ những phân tích trên, kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở chấp nhận.

Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương là phù hợp.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 148, Điều 289, Điều 299, khoản 1 Điều 308, Điều 309 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 280, 282, 463, 466, 468, 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Hủy và đình chỉ xét xử phúc thẩm một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lâm Thị H đối với số tiền hụi 261.300.000 đồng (hai trăm sáu mươi mốt triệu ba trăm nghìn đồng) của các dây hụi ngày 20/11/2020 đến ngày 20/01/2021: 59.300.000 đồng (năm mươi chín triệu ba trăm nghìn đồng); dây hụi ngày 15/5/2021 đến ngày 15/7/2022: 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng); dây hụi ngày 15/6/2021 đến ngày 15/8/2022: 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng); dây hụi ngày 15/3/2021 đến ngày 15/5/2022: 42.000.000 đồng (bốn mươi hai triệu đồng).

2. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn về việc "Tranh chấp hụi".

3. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thúy H1 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

3.1. Giữ nguyên một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2024/DS-ST ngày 05/3/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương, cụ thể:

3.1.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lâm Thị H với bị đơn bà Nguyễn Thúy H1 về việc "Tranh chấp hụi".

Buộc bà Nguyễn Thúy H1 phải trả cho bà Lâm Thị H số tiền hụi 43.100.000 đồng (bốn mươi ba triệu một trăm nghìn đồng).

3.1.2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị Hồng B ông Châu Thái A liên đới cùng bà Nguyễn Thúy H2 trả số tiền nợ hụi.

3.1.3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lâm Thị H với bị đơn bà Nguyễn Thúy H1 và ông Châu Thái A về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc bà Nguyễn Thúy H1 và ông Châu Thái A phải trả cho bà Lâm Thị H số tiền 2.010.683.333 đồng (hai tỷ không trăm mười triệu sáu trăm tám mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3.1.4. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Châu Thái A phải chịu số tiền 36.106.833 đồng (ba mươi sáu triệu một trăm lẻ sáu nghìn tám trăm ba mươi ba đồng).

Bà Nguyễn Thúy H1 phải chịu số tiền 51.306.833 đồng (năm mươi mốt triệu ba trăm lẻ sáu nghìn tám trăm ba mươi ba đồng).

Trả cho bà Lâm Thị H số tiền 56.489.150 đồng (năm mươi sáu triệu bốn trăm tám mươi chín nghìn một trăm năm mươi đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001150 ngày 08/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

4. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thúy H1 phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0007926 ngày 18/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Các Thẩm phán thành viên **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Trung Dũng Đinh Thị Mộng T2 Nguyễn Thị Duyên H3

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- TAND thành phố Dĩ An;
- Các đương sự;
- Tổ Hành chính Tư pháp;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Duyên Hằng